

# HOẠT ĐỘNG NGOẠI GIAO CÔNG CHÚNG CỦA NEPAL VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

## Nepal's public diplomacy activities and their implications for Vietnam

TRẦN NGỌC DIỄM\*

Ngày nhận bài: 01/11/2025; Ngày gửi phản biện: 07/11/2025; Ngày duyệt đăng: 24/11/2025

*Hoạt động ngoại giao công chúng là một công cụ chính sách đối ngoại thiết yếu để xây dựng lòng tin, hàn gắn các mối quan hệ căng thẳng, và thúc đẩy một môi trường thuận lợi cho hợp tác quốc tế. Bài viết nhằm chỉ rõ và phân tích các hoạt động ngoại giao công chúng của Nepal dựa trên 5 chủ thể của ngoại giao công chúng theo định nghĩa của Nicholas Cull (2009), bao gồm: (1) Lắng nghe; (2) Ngoại giao trao đổi; (3) Ngoại giao văn hóa; (4) Truyền thông quốc tế; (5) Vận động, từ đó rút ra một số hàm ý cho Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Nepal đã thành công trong việc tận dụng các lợi thế từ di sản văn hóa quốc gia để xây dựng hình ảnh quốc gia theo hướng dễ nhận diện, tuy nhiên để duy trì những nhận thức tích cực, quốc gia này cần nỗ lực để thể chế hóa và chuyên nghiệp hóa hoạt động ngoại giao công chúng.*

**Từ khóa:** Nepal, ngoại giao, ngoại giao công chúng, Việt Nam.

*Public diplomacy activities are recognized as a crucial foreign policy tool that builds trust, repairs damaged relationships, and promotes an environment conducive to international collaboration. This article aims to identify and evaluate Nepal's public diplomacy activities on the basis of the five subjects of public diplomacy as defined by Nicholas Cull (2009), including: (1) Listening; (2) Exchange diplomacy; (3) Cultural diplomacy; (4) International communication; (5) Advocacy, thereby drawing some implications for Vietnam. The research findings indicate that Nepal has been successful in leveraging its national cultural legacy to build a recognizable national image. However, to maintain positive perceptions, the country needs to focus on institutionalizing and professionalizing its public diplomacy activities.*

**Keywords:** Nepal, diplomacy, public diplomacy, Vietnam.

### 1. Giới thiệu

Nepal là quốc gia không giáp biên và có vị trí nằm giữa hai quốc gia đông dân nhất thế giới là Ấn Độ và Trung Quốc. Nepal phụ thuộc vào các tuyến thương mại của Ấn

\* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi; Email: [ngocdiemtran1993@gmail.com](mailto:ngocdiemtran1993@gmail.com)

Độ, tuy nhiên hiện nay Nepal đang dần chuyển mình trở thành cầu nối giữa hai nền văn minh khổng lồ. Nepal cũng sở hữu một di sản văn hóa phong phú, mang ý nghĩa văn hóa và tôn giáo to lớn như là nơi Đức Phật đản sinh và là nơi tọa lạc của các di tích Hindu giáo linh thiêng như Pashupatinath và Muktinath. Do đó, Nepal có nền tảng vững chắc và những công cụ để phát huy sức mạnh ngoại giao công chúng trên trường quốc tế thông qua những tầm nhìn chiến lược rõ ràng.

Bài viết nhằm mục tiêu phân tích hoạt động ngoại giao công chúng của Nepal từ khi nước này khôi phục chính quyền dân chủ từ năm 1990 đến nay, từ đó rút ra hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quá trình phát triển ngoại giao công chúng và trong việc tăng cường hợp tác song phương với Nepal.

## **2. Cơ sở lý thuyết về ngoại giao công chúng và khung phân tích**

Ngoại giao công chúng phát triển trong Chiến tranh Lạnh là một hệ quả tất yếu của sự trỗi dậy của truyền thông đại chúng và các yếu tố tác động đến dư luận trong quản lý chính sách đối ngoại (Snow, 2020). Ngoại giao công chúng được xác định là “cách thức mà thông qua đó chính phủ và cá nhân có thể trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến các quan điểm và ý kiến công chúng và những quan điểm này ảnh hưởng trực tiếp đến các quyết định chính trị đối ngoại của một chính phủ khác” (Signitzer & Coombs, 1992). Tương tự, Manheim (1994) định nghĩa ngoại giao công chúng là hoạt động ngoại giao, bao gồm các nỗ lực của chính phủ nhằm tác động đến công chúng và giới tinh hoa ở một quốc gia khác và thông qua đó tác động đến các hoạt động chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Leonard (2002) và Cull (2009) mở rộng khái niệm ngoại giao công chúng, cụ thể không chỉ bao gồm sự tương tác với chính phủ mà còn phát triển hoạt động tương tác với các cá nhân, tổ chức phi chính phủ và các chủ thể quốc tế. Theo Cull (2009), chủ thể quốc tế trong hoạt động ngoại giao gồm một quốc gia, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức khủng bố/tổ chức bán quân sự không thuộc nhà nước hoặc các chủ thể khác trên trường quốc tế. Ngoại giao truyền thống là nỗ lực của một chủ thể quốc tế nhằm quản lý môi trường quốc tế thông qua sự tương tác với một chủ thể quốc tế khác, trong khi đó ngoại giao công chúng là nỗ lực của một chủ thể quốc tế nhằm quản lý môi trường quốc tế thông qua sự tương tác với công chúng nước ngoài (Cull, 2009).

Trong phạm vi bài viết, tác giả vận dụng khái niệm và chủ thể của ngoại giao công chúng theo định nghĩa của Nicholas Cull (2009) và phân tích hoạt động ngoại giao công chúng của Nepal dựa trên 5 trụ cột do Cull (2009) xác định gồm: (1) Lắng nghe (Listening); (2) Ngoại giao trao đổi (Exchange Diplomacy); (3) Ngoại giao văn hóa (Cultural Diplomacy); (4) Truyền thông quốc tế (International Broadcasting); (5) Vận động (Advocacy).

## **3. Kết quả nghiên cứu**

### **3.1. Hoạt động ngoại giao công chúng của Nepal thông qua các trụ cột**

### *Trụ cột 1: Lắng nghe - Listening*

Theo Cull (2009) trụ cột “Lắng nghe” là thành tố cơ bản nhất của ngoại giao công chúng hiện đại, nhấn mạnh tầm quan trọng của đối thoại chứ không chỉ gồm các hoạt động độc thoại. Tương tự, Cull (2010) lập luận ngoại giao công chúng bắt đầu bằng hoạt động thu thập và phân tích một cách có hệ thống ý kiến của công chúng nước ngoài sau đó sử dụng dữ liệu này để điều chỉnh chính sách. Trong trường hợp của Nepal, nước này thực hiện hoạt động lắng nghe thông qua thu thập phản hồi và tương tác cộng đồng. Nepal có sự điều chỉnh nhận thức trong cách truyền tải nhận thức về quốc gia theo hướng tích cực. Cụ thể, trong ngành du lịch, trận động đất năm 2015 là thảm họa thiên nhiên nghiêm trọng nhất tại Nepal kể từ năm 1934 và trở thành một trở ngại lớn đối với sự phát triển du lịch của Nepal (David et al., 2018). Thảm họa này cũng ảnh hưởng đến nhận thức của du khách về Nepal là vùng đất thảm họa do truyền thông quốc tế đăng tải hình ảnh về các tuyến đường sạt lở tại các điểm leo núi khiến du khách nước ngoài thiệt mạng (Upadhayaya, 2015). Ngành du lịch Nepal nhanh chóng thực hiện chương trình tiếp thị và phục hồi du lịch thông qua khẩu hiệu “Nepal - trở lại đỉnh cao thế giới” (Kathmandu, 2015). Trong năm 2015, Hội đồng Du lịch Nepal và ngành du lịch Nepal đã thành lập một trang Facebook và một trang web tập trung vào những câu chuyện phục hồi du lịch tích cực ở Nepal, giới thiệu những du khách quốc tế đến Nepal trong thời gian thực, mô tả trải nghiệm và ấn tượng về Nepal. Ngoài ra, các cơ quan ngoại giao và các công ty điều hành tour du lịch mạo hiểm của Nepal phối hợp tổ chức các buổi giới thiệu thông tin cho các chuyên gia du lịch và khách hàng tại các thị trường nguồn quốc tế trọng điểm bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Thái Lan, Úc, New Zealand, Anh và Đức (David et al., 2018).

Tóm lại, Nepal đã lắng nghe phản hồi của cộng đồng du lịch quốc tế và các cơ quan viện trợ để điều chỉnh thông điệp truyền thông. Việc lắng nghe giúp họ chuyển đổi từ hình ảnh quốc gia bị tàn phá sang hướng tích cực hơn.

### *Trụ cột 2: Ngoại giao trao đổi - Exchange diplomacy*

Ngoại giao trao đổi là thành tố quan trọng nhằm xây dựng các mối quan hệ cá nhân lâu dài thông qua việc tạo điều kiện cho công chúng nước ngoài tiếp xúc và trải nghiệm trực tiếp đất nước chủ nhà (Cull, 2009). Đối với Nepal, một quốc gia có nguồn lực tài chính hạn chế nhưng lại sở hữu tài sản văn hóa và tôn giáo, trụ cột ngoại giao trao đổi là công cụ quan trọng để thúc đẩy hoạt động ngoại giao công chúng. Trong lĩnh vực giáo dục, Nepal đã và đang nỗ lực thu hút sinh viên và học giả nước ngoài, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến Phật học, nghiên cứu Himalaya và du lịch bền vững (Adhikari et al., 2022). Các trường đại học như Đại học Kathmandu (KU) đã bắt đầu cung cấp học bổng nhằm thu hút nhân tài quốc tế, qua đó tạo ra một mạng lưới ủng hộ viên toàn cầu. Đồng thời, KU triển khai một số chương trình hợp tác với các trường đại học quốc tế như liên kết đào tạo Thạc sĩ Công nghệ ngành Hệ thống Năng lượng (với Viện Công

nghệ Ấn Độ tại Madras, Ấn Độ từ năm 2022), Cử nhân ngành Công nghệ Thông tin (với Viện Giáo dục Đại học Crown, Úc từ năm 2023) (Roshee, 2024).

*Trụ cột 3: Ngoại giao văn hóa - Cultural diplomacy*

Nepal nằm ở vị trí giao thoa giữa nhiều nền văn hóa Nam Á và Đông Nam Á. Quốc gia này có nhiều lợi thế để phát triển ngoại giao văn hóa. Đầu tiên, sự đa dạng và phong phú với một nền văn hóa đặc sắc của hơn 125 nhóm dân tộc và hơn 123 ngôn ngữ được thể hiện rõ nét qua kiến trúc, nghệ thuật, âm nhạc, khiêu vũ, ẩm thực và các tín ngưỡng tôn giáo (Basu, 2023). Nepal cũng sở hữu nhiều di tích văn hóa và tâm linh quan trọng, như Lumbini, nơi Đức Phật đản sinh, đỉnh Everest thu hút du khách từ khắp nơi trên thế giới và góp phần quảng bá hình ảnh đất nước như một điểm đến thanh bình và tâm linh. Những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đa dạng trên là một điểm thu hút lớn đối với du khách quốc tế. Du khách nước ngoài đến thăm Nepal để khám phá và nghiên cứu các di sản vật thể và phi vật thể của đất nước đã góp phần thúc đẩy du lịch. Theo Khảo sát Kinh tế năm 2023 - 2024, Nepal đã đón tiếp tổng cộng 1,04 triệu lượt du khách vào năm 2023, trong đó, phần lớn du khách đến với mục đích giải trí chiếm tới 62,5%. Các mục đích du lịch chuyên biệt hơn bao gồm hoạt động đi bộ đường dài và leo núi chiếm 15,2%, hành hương tôn giáo chiếm 13,1%, và 9,2% là vì các mục đích khác (Suresh, 2025). Các hoạt động du lịch đã góp phần quan trọng vào việc làm tăng thêm sự hiểu biết và thay đổi nhận thức về một quốc gia Nepal lạc hậu và kém phát triển.

Do đó, Nepal ưu tiên phát huy di sản văn hóa bằng cách phát động các chiến dịch tập trung vào tái thiết, trùng tu, vệ sinh và bảo tồn, thường xuyên phối hợp với cộng đồng địa phương. Sự đa dạng văn hóa không chỉ là một công cụ mạnh mẽ để thu hút khách du lịch nước ngoài mà còn thúc đẩy du lịch nội địa (Suresh, 2025). Bộ Ngoại giao Nepal phối hợp với chính quyền thành phố Suryodaya tổ chức chuyến tham quan dành cho các đại sứ, đại diện ngoại giao của các phái đoàn ngoại giao có trụ sở tại nước này. Trong dịp này, các nhà ngoại giao cấp cao được trải nghiệm văn hóa thông qua các địa điểm du lịch, ẩm thực, trang phục truyền thống và nhiều hoạt động du lịch đặc trưng như cưỡi ngựa, chèo thuyền (The Rising Nepal, 2025). Ngoài ra, cộng đồng người Nepal cư trú tại nhiều quốc gia khác nhau đóng vai trò như những đại sứ văn hóa tự nguyện, thông qua việc tích cực quảng bá văn hóa và góp phần quan trọng vào việc nâng cao hình ảnh quốc gia. Sự giao lưu ngày càng tăng giữa cộng đồng người Nepal hải ngoại với công chúng nước sở tại đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ nhân dân, minh chứng rõ nét qua việc người dân nước ngoài cùng tham gia các lễ hội quan trọng của Nepal như Dashain, Tihar, hay Holi, với các gia đình người Nepal ở nước ngoài. Điều này không chỉ dẫn đến sự đồng hóa văn hóa và truyền thống Nepal trên phạm vi toàn cầu, mà còn trực tiếp đóng góp vào thành công của chiến lược Ngoại giao Công chúng và Ngoại giao Văn hóa của Nepal (Pratima, 2021).

*Trụ cột 4: Truyền thông quốc tế - International broadcasting*

Cull (2009) xác định các công nghệ trong truyền thông quốc tế bao gồm phát thanh, truyền hình và internet để tương tác với công chúng nước ngoài và quản lý môi trường

quốc tế. Chính phủ Nepal nhận thức tầm quan trọng và nhu cầu số hóa phát triển để theo kịp dòng chảy thông tin và tác động đến hoạt động con người, trong đó có ngoại giao (Ministry of Foreign Affairs, 2020). Từ tháng 2 năm 2015, Bộ Ngoại giao Nepal chính thức áp dụng hình thức ngoại giao kỹ thuật số thông qua tài khoản Twitter và cải thiện các kênh liên lạc khác đảm bảo nhanh chóng và hiệu quả hơn (Ministry of Foreign Affairs, 2020). Đến nay, ngoại giao thông qua các nền tảng mạng xã hội đang được áp dụng ở cấp Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ Ngoại giao, cùng với các Đại sứ quán và Lãnh sự quán Nepal ở nước ngoài. Tuy nhiên, phạm vi của ngoại giao kỹ thuật số vẫn còn giới hạn ở mức truyền thông chung như đăng tải các tin nhắn, thông báo, và liên lạc mang tính chất xã giao (Parajuli, 2021).

#### *Trụ cột 5: Vận động - Advocacy*

Nepal đã tận dụng chính sách đối ngoại của mình để vận động cho các vấn đề quốc gia và toàn cầu.

Thứ nhất, Nepal khẳng định vị thế quốc tế và tăng cường hiện diện toàn cầu của mình thông qua hình ảnh một quốc gia tuân thủ luật pháp quốc tế và các chuẩn mực hòa bình. Hình ảnh này cũng đồng nhất với mục tiêu cơ bản của chính sách đối ngoại Nepal, theo Hiến pháp của nước này, là nâng cao phẩm giá quốc gia bằng cách bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, độc lập, và thúc đẩy phúc lợi kinh tế và thịnh vượng của Nepal. Ngoài ra, Điều 51 của Hiến pháp của Nepal cũng nêu rõ rằng chính sách đối ngoại của nước này phải độc lập và dựa trên Hiến chương Liên Hợp Quốc, không liên kết, các nguyên tắc của Panchsheel, luật pháp quốc tế và các chuẩn mực hòa bình toàn cầu. Về hành động cụ thể, việc Nepal tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc (UNPKO) đã củng cố danh tiếng quốc gia yêu chuộng hòa bình trên toàn cầu. Ngoài ra, cố Quốc vương Birendra đề xuất “Khu vực Hòa bình - Zone of Peace” phản ánh cam kết của Nepal đối với hòa bình, không phổ biến vũ khí hạt nhân và một Nam Á phi hạt nhân (Pramod et al., 2022).

Thứ hai, hoạt động vận động của Nepal thể hiện rõ trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu. Cụ thể, Nepal đã thể hiện vai trò là một chủ thể vận động mạnh mẽ tại các diễn đàn khí hậu toàn cầu, tích cực tham gia vào tất cả các cuộc họp và Hội nghị các Bên (COP) lớn, bắt đầu từ việc thông qua Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) tại New York năm 1992, đến Nghị định thư Kyoto năm 1997 (trong COP3) và Thỏa thuận Paris năm 2015 (trong COP21). Năm 2024, Nepal đã cử phái đoàn cấp cao do Tổng thống Ramchandra Paudel dẫn đầu tham dự COP29 tại Baku, Azerbaijan, với các đại diện cấp Bộ trưởng nhằm vận động mạnh mẽ cho chương trình nghị sự quốc gia về khí hậu (TRN Online, 2024). Sự tham gia của Nepal đã chứng minh tính hiệu quả cao trong việc vận động chính sách về biến đổi khí hậu, nhấn mạnh các yêu cầu chiến lược then chốt, bao gồm nhu cầu tăng cường tài chính khí hậu để tiếp cận, chuyển giao công nghệ, và hỗ trợ chuyên biệt cho các nước kém phát triển nhất (LDC). Nepal đã nỗ lực định hình chương trình nghị sự chung của COP thông qua sự kiện cấp

cao về chủ đề “Thiệt hại và Mất mát ở dãy Himalaya”, nhằm thu hút sự chú ý của toàn cầu về những thách thức đặc thù mà các vùng miền núi phải đối mặt, đồng thời đưa ra tuyên bố mang tính biểu tượng rằng “bảo vệ dãy Himalaya chính là bảo vệ Trái Đất” ((Binee, 2024). Để tăng cường hợp tác đa phương, Nepal cũng đề xuất Sáng kiến tổ chức Sagarmatha Sambad (Đổi thoại Everest). Cuối cùng, thông qua các cuộc gặp song phương với các nhà lãnh đạo quốc tế, bao gồm Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc và Tổng thống Azerbaijan, phái đoàn Nepal đã đảm bảo rằng lợi ích quốc gia của mình được đại diện đầy đủ và các nỗ lực vận động được củng cố bằng hành động ngoại giao cấp cao (Binee, 2024).

### **3.2. Một số nhận xét**

Như đã phân tích, hoạt động ngoại giao công chúng của Nepal là một minh chứng điển hình cho việc một quốc gia đang phát triển có thể tối ưu hóa các tài sản sức mạnh mềm phi vật thể. Điều này cho phép Nepal bù đắp một cách hiệu quả những giới hạn về sức mạnh cứng và tiềm lực kinh tế, qua đó củng cố vị thế ngoại giao và nâng cao ảnh hưởng quốc tế. Nepal đã thực hiện các hoạt động ngoại giao công chúng chủ yếu bằng cách tận dụng các lợi thế nổi bật. Các hoạt động này thể hiện tính hiệu quả ở trụ cột Ngoại giao Văn hóa và Truyền thông Chiến lược nhờ vào việc sở hữu các biểu tượng toàn cầu như đỉnh Everest và khu vực Lumbini. Tương tự, Nepal cũng phát huy lợi thế này bằng việc tập trung vận động tích cực về nhu cầu của các quốc gia miền núi, từ đó xây dựng hình ảnh là một chủ thể có trách nhiệm và thu hút hỗ trợ tài chính từ cộng đồng quốc tế. Ngoài ra, trong bối cảnh ảnh hưởng và quyền lực của hai nước láng giềng không ngừng mở rộng, Nepal có thể phát huy tiềm năng để phát triển thành một quốc gia trung chuyên và là “cầu nối năng động” giữa Ấn Độ và Trung Quốc (Jagdishor, 2025).

Tuy nhiên như đã đề cập ở trên, với trụ cột lắng nghe (Listening) và vận động (Advocacy) chưa thực sự có cấu trúc và tính hệ thống cao. Các hành động của Nepal chủ yếu tập trung phản ứng trước dư luận quốc tế sau thảm họa tự nhiên hoặc khủng hoảng chính trị chứ chưa xây dựng một chiến lược chủ động định hình dư luận từ trước. Việc vận động chính sách thường bị giới hạn ở các diễn đàn đa phương lớn cấp toàn cầu như Liên Hợp Quốc và Hội nghị các bên tham gia Công ước (COP) nhưng thiếu sự vận động hành lang sâu rộng và bền bỉ ở cấp độ song phương. Ngoài ra, hoạt động truyền thông quốc tế và ngoại giao số của Nepal hiện nay mới chỉ giới hạn trong các hoạt động ngoại giao ở cấp độ xã giao, chưa vận dụng để mở rộng phạm vi nhằm mục tiêu vận động chính sách, vận động hành lang, thuyết phục trực tiếp, quản lý hành chính và các mục tiêu kinh tế, an ninh.

### **3.3. Hàm ý cho Việt Nam**

#### *Hàm ý cho hoạt động ngoại giao công chúng của Việt Nam*

Thứ nhất, tương tự như Nepal thành công với hình ảnh đỉnh Everest và nơi Đức Phật đản sinh, Việt Nam cần tập trung xây dựng một thương hiệu quốc gia mạnh mẽ, đa chiều

và dễ nhận diện. Cụ thể, bên cạnh quảng bá du lịch tập trung vào các địa điểm du lịch và di sản văn hóa vật thể, Việt Nam cần tận dụng các di sản văn hóa phi vật thể (của các vùng đất địa linh nhân kiệt) trở thành cầu nối văn hóa.

Thứ hai, để thực hiện tốt hoạt động truyền thông quốc tế, Việt Nam cần chủ động xây dựng và phát triển các cơ chế để thu thập và phân tích có hệ thống dư luận công chúng nước ngoài về Việt Nam, đặc biệt trên các nền tảng mạng xã hội và truyền thông quốc tế. Điều này giúp phát hiện sớm các thông tin sai lệch hoặc các nhận thức tiêu cực cần được xử lý kịp thời.

Thứ ba, các hoạt động vận động chính sách cần nhằm phục vụ cho lợi ích quốc gia theo hướng chủ động và nhất quán. Cụ thể, trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, Việt Nam có thể vận động chương trình nghị sự phát triển các dự án cho các quốc gia ven biển, các vấn đề liên quan đến sự sống còn của Đồng bằng Sông Cửu Long do nước biển dâng và xâm nhập mặn. Ngoài ra, Việt Nam cần sử dụng hoạt động ngoại giao công chúng để giải thích và vận động một cách chủ động, nhất quán về các vấn đề luật pháp quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông. Việt Nam cần thể hiện rõ lập trường và mục tiêu định hình dư luận công chúng toàn cầu ủng hộ các giải pháp hòa bình dựa trên luật pháp quốc tế.

*Hàm ý cho việc thúc đẩy quan hệ song phương, giao lưu nhân dân giữa Việt Nam - Nepal*

Quan hệ hữu nghị truyền thống giữa Việt Nam và Nepal đã được định hình thông qua các tương tác về văn hóa, kinh tế và ngoại giao, tạo nên những kết nối bền chặt ở cả cấp nhà nước và cấp cơ sở. Kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức vào năm 1975, hợp tác giữa hai nước đã có nhiều phát triển tích cực, trong đó giao lưu nhân dân được xác định là nền tảng và điểm sáng trong quan hệ song phương. Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam và Nepal đều đang đứng trước ngưỡng cửa của một giai đoạn phát triển mới với những mục tiêu đầy tham vọng. Việt Nam đặt mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, còn Nepal hướng tới mục tiêu thu nhập trung bình vào năm 2030. Sự tương đồng về tầm nhìn phát triển này tạo cơ sở vững chắc để hai quốc gia thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa việc trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, qua đó tăng cường hỗ trợ và ủng hộ lẫn nhau nhằm đạt được các mục tiêu phát triển quốc gia. Trên cơ sở Việt Nam và Nepal có sự tương đồng về văn hóa, cùng chia sẻ khát vọng hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển bền vững, các hoạt động giao lưu, kết nối, trao đổi đoàn đã góp phần tích cực vào việc tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước. Giao lưu nhân dân trong hợp tác hai nước cần tiếp tục được mở rộng, tạo nhịp cầu hữu nghị và nền tảng dân ý vững chắc cho quan hệ giữa hai nước. Có nhiều kênh ngoại giao và biện pháp cụ thể có thể giúp Việt Nam và Nepal tận dụng lợi thế của mình để định hướng chính sách đối ngoại đúng hướng, trong đó có thúc đẩy du lịch, ngoại giao công chúng và ngoại giao mềm. Tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

- Ưu tiên mở đường bay thẳng từ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đến Kathmandu và đơn giản hóa thủ tục cấp visa cho mục đích du lịch, hành hương. Việc tăng cường kết

nổi hàng không, đặc biệt là khai mở các đường bay thẳng giữa Việt Nam và Nepal, mang ý nghĩa chiến lược sâu sắc. Điều này không chỉ tạo đòn bẩy mạnh mẽ cho du lịch và thúc đẩy giao lưu nhân dân, mà còn thiết lập một hành lang kinh tế quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp và cộng đồng doanh nhân hai quốc gia.

- Thành lập và phát triển quỹ học bổng Việt Nam - Nepal, tập trung vào các lĩnh vực tiềm năng như Phật học, du lịch.

- Thiết lập cơ chế diễn đàn hữu nghị nhân dân thường niên

#### **4. Kết luận**

Nepal đang phải đối mặt với nhiều thách thức nội tại và giới hạn nguồn lực, ngoại giao công chúng càng trở nên có ý nghĩa chiến lược, là công cụ thiết yếu để duy trì nhận thức tích cực và thái độ thiện chí của công chúng nước ngoài, qua đó hỗ trợ trực tiếp cho các nỗ lực ổn định và phát triển quốc gia. Nepal đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận trong việc phát triển hoạt động ngoại giao công chúng. Nepal nỗ lực bù đắp những giới hạn về sức mạnh cứng và kinh tế bằng cách khai thác các biểu tượng toàn cầu như để định hình thương hiệu quốc gia, phát triển các hoạt động lợi thế. Tuy nhiên, Nepal vẫn tồn tại hạn chế về tính đồng bộ, nguồn lực và việc chuyên nghiệp hóa ngoại giao kỹ thuật số.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Adhikari, K.N. & Nyaichyai, L. (2022). Effective Use of Public Diplomacy in the Context of Nepal. *PRI Publication No. 053*. Kathmandu Policy Research.
2. Barston, R.P. (1988). *Modern Diplomacy*. Longman, London.,
3. Basu Gautam. (2023). Unlocking Nepal's tourism potential thru cultural diplomacy. *The AnnapurnaExpress*, số ngày 14/02. <https://theannapurnaexpress.com/story/38320/>. Ngày truy cập 27/8/2025.
4. Binee Tamang. (2024). Nepal at COP29: Advocating for Climate Justice in the Himalaya. *Nepal Institute for International Cooperation and Engagement*, số ngày 18/12. <https://niice.org.np/archives/9785>. Ngày truy cập 01/9/2025.
6. Cull, Nicholas. J (2009). *Public Diplomacy: Lessons from the Past*. Figueroa Press, Los Angeles.
7. Cull, Nicholas. J. (2010). Public Diplomacy: Seven Lessons for Its Future from Its Past. *Place Branding and Public Diplomacy*. No. 6 (1), pp. 11–17
8. David Beirman, Pranil Kumar Upadhayaya, Pankaj Pradhananga & Simon Darcy. (2018). Nepal tourism in the aftermath of the April/May 2015 earthquake and aftershocks: repercussions, recovery and the rise of new tourism sectors. *Tourism Recreation Research*. No. 43(4), pp. 544-554.
10. Jagdishor Panday. (2025). Nepal's Diplomatic Landscape: Strengthening Global Ties in the 21st Century. *The Diplomat Nepal*, số ngày 13/05. <https://diplomatnepal.com/cover-story/nepal-diplomatic-landscape/>. Ngày truy cập 02/9/2025.

11. Leonard, Mark. (2002). *Public Diplomacy*. Foreign Policy Center, London.
12. Manheim, Jarol B. (1994). *Strategic Public Diplomacy and American Foreign Policy: The evolution of influence*. Oxford University Press, New York.
13. Ministry of Foreign Affairs. (2020). *Report on Nepal's Foreign Affairs (2019-2020)*. Government of Nepal, Kathmandu.
14. Parajuli, J. N. (2021). Nepal's Post-Pandemic Diplomacy. *Journal of Foreign Affairs*. No. 1(1), pp. 151-170.
15. Pramod Jaiswal and Amit Ranjan (2022). Nepal's Foreign Policy in a Changing World. *South Asia Discussion Papers*. December 2022. Institute of South Asian Studies and Nepal Institute for International Cooperation and Engagement.
16. Pratima Sharma. (2021). Diaspora Diplomacy: Emerging Priority of Nepal's Foreign Policy. *Journal of Political Science*. Vol. 21 (February 2021), pp. 86 – 99.
17. Roshee Lamichhane. (2024). Education diplomacy for Nepal. *The Kathmandupost*, số ngày 21/08. <https://kathmandupost.com/columns/2024/08/21/education-diplomacy-for-nepal>. Ngày truy cập 28/8/2025.
18. Signitzer, Benno H. and Coombs, Timothy. (1992). Public Relations and Public Diplomacy Conceptual Convergences. *Public Relations Review*. Vol. 18(2), pp. 137 – 147.
19. Snow, N. (2020). Public Diplomacy. *Oxford Research Encyclopedia of International Studies*, số ngày 30/07. <https://oxfordre.com/internationalstudies/view/10.1093/acrefore/9780190846626.001.0001/acrefore-9780190846626-e-518>. Ngày truy cập 28/8/2025.
20. Suresh Adhikari. (2025). Integrating Cultural Diversity and Tourism. *The Diplomat Nepal*, số ngày 14/05. <https://diplomatnepal.com/diplomacy/cultural/integrating-cultural-diversity-and-tourism/>. Ngày truy cập 25/8/2025.
21. The Kathmandu Post. (2015). Nepal: Back on Top of the World. *The Kathmandu Post*, số ngày 31/08. <https://kathmandupost.com/miscellaneous/2015/08/31/nepal-back-on-top-of-the-world>. Ngày truy cập 29/8/2025.
22. The Rising Nepal. (2025). Tourism Diplomacy. *The Rising Nepal*, số ngày 03/04 <https://risingnepaldaily.com/news/59728>. Ngày truy cập 01/9/2025.
23. TRN Online (2024). Nepal to present cases of climate change consequences before COP29. *The Rising Nepal*, số ngày 12/11. <https://risingnepaldaily.com/news/51810>. Ngày truy cập 03/8/2025.
24. Upadhayaya, P. (2015). Sustainability threats to mountaintourism with tourist mechanizes mobility induced globalwarming: A case study of Nepal. *Journal of Tourism and Hospitality*. Vol. 4(2).